

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2026
Về việc “Ly hôn, quyền trực tiếp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Sỹ

Ông Phạm Hồng Chương

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thanh Thảo – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê Na - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026 tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2026/HNGĐ-ST ngày 07/01/2026 về việc “Ly hôn, quyền trực tiếp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026, quyết định hoãn phiên toà số 60/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Trà M**, sinh năm: 14/9/1996, số CCCD: 054196008735; địa chỉ: **Thôn L, xã T, tỉnh Đắk Lắk**, vắng mặt (có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt);

- Bị đơn: Anh **Võ Huy T**, sinh năm: 05/3/1996; số CMND: 184247642; địa chỉ: **Thôn Đ, xã C, tỉnh Hà Tĩnh**, hiện nay đang lao động tại **Cộng hòa Liên bang Đ**, vắng mặt;

- Người tham gia tố tụng khác: Bà **Dương Thị L**, sinh năm: 1960, địa chỉ: **Thôn Đ, xã C, tỉnh Hà Tĩnh**, vắng mặt.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà, có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai của nguyên đơn, ghi nhận ý kiến của bị đơn, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, vụ án có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tự do tìm hiểu, trên cơ sở tình yêu và tự nguyện, ngày 26/8/2016 chị Nguyễn Thị Trà M và anh Võ Huy T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (nay là Ủy ban nhân dân xã C), tỉnh Hà Tĩnh, theo Sổ đăng ký số 51/2016. Gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại xã C, tỉnh Hà Tĩnh và có 01 con chung. Năm 2019 anh T, chị Trà M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống. Năm 2020, anh T đi lao động tại Cộng hoà Liên bang Đ và ly thân, không còn liên lạc cho đến nay. Chị Trà M cùng con đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nhận thấy tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nguyễn Thị Trà M khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Võ Huy T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Võ Huy T có 01 (một) con chung là Võ Nguyễn Bảo N, sinh ngày: 12/01/2018. Chị M đề nghị Toà án giao cho chị quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bằng hình thức gọi điện thoại ghi hình có âm thanh kết nối từ facebook “Lucas Võ” bị đơn – anh Võ Huy T trình bày: Thống nhất về thời gian, địa điểm kết hôn, thời điểm, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng vợ chồng hiện nay như nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trà M. Anh T khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Trà M. Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Võ Nguyễn Bảo N, sinh ngày: 12/01/2018. Hiện nay, anh T đang lao động tại Cộng hòa Liên bang Đ, đồng ý giao con chung cho chị Trà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Trà M không yêu cầu cấp dưỡng nên anh không có ý kiến. Vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Hiện nay anh T lao động tự do nên không cung cấp được địa chỉ tại Cộng hòa liên bang Đ1, đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt và ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ cho mẹ là bà Dương Thị L, sinh năm: 1960, địa chỉ: Thôn Đ, xã C, tỉnh Hà Tĩnh.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, ghi nhận nội dung sự việc do người tham gia tố tụng khác – bà Dương Thị L cung cấp: Anh Võ Huy T là con trai của bà, hiện đang lao động tại Cộng hòa Liên bang Đ, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T nên không cung cấp được cho Toà án. Tuy nhiên, anh T vẫn thường xuyên liên lạc về nhà qua điện thoại và bà đã thông báo cho anh T thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Toà án. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trà M và anh T, bà không biết nguyên nhân cụ thể, tuy nhiên hiện nay chị Trà M và con không sinh sống cùng bà. Bà L đồng ý nhận ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ, cam đoan thông tin đầy đủ cho anh T để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án.

Tại Biên bản xác minh ngày 20 tháng 01 năm 2026, Công an xã C, tỉnh Hà Tĩnh xác nhận: Anh Võ Huy T, sinh năm: 1996, số CMND: 184247642 đăng ký thường trú tại thôn Đ, xã C, tỉnh Hà Tĩnh, hiện nay vắng mặt vì đang đi lao động ở nước ngoài (Cộng hòa Liên bang Đ).

Tại văn bản số 102/UBND-VP, ngày 18/01/2026, của Ủy ban nhân dân xã C có nội dung: Cqua kiểm tra hồ sơ kết hôn được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Hà Tĩnh, chị Nguyễn Thị Trà M và anh Võ Huy T đăng ký kết hôn hợp pháp số 51/2016, ngày 26/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (nay là Ủy ban nhân dân xã C), tỉnh Hà Tĩnh. Về mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân chính quyền không nắm bắt được thông tin cũng như chưa hoà giải tranh chấp hôn nhân gia đình lần nào, không có thông tin về hành ngược đãi, bạo hành con chung của chị Trà M, anh T. Về yêu cầu của nguyên đơn, Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Hà Tĩnh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trà M. Tuyên xử chị Nguyễn Thị Trà M và anh Võ Huy T ly hôn. Giao con chung Võ Nguyễn Bảo N, sinh ngày: 12/01/2018 cho chị Nguyễn Thị Trà M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại Công văn số 139/QLXC-Đ1 ngày 31/01/2016 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H cung cấp thông tin: Bị đơn – anh Võ Huy T, sinh ngày 05/3/1996, hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã C, tỉnh Hà Tĩnh xuất cảnh ngày 14/01/2020 qua Sân bay Quốc tế N bằng HC C7321703, không thấy thông tin nhập cảnh trên hệ thống. Xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã C, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện anh Võ Huy T đăng ký thường trú tại thôn Đ, xã C, tỉnh Hà

Tỉnh. Căn cứ quy định tại khoản 14 Điều 3; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình để xác minh về địa chỉ, quan điểm của bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài. Anh **Võ Huy T** không đến Toà án làm việc cũng như không gửi văn bản, tài liệu nhưng thông qua người thân thích trình bày ý kiến về nội dung yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Toà án tiến hành thu thập chứng cứ, ghi nhận ý kiến của bị đơn, thông báo thời gian tố tụng thông qua người thân thích hiện đang sinh sống tại Việt Nam đồng thời thông báo 03 (ba) số liên tiếp trên kênh **V** của **Đ** tiếng nói Việt Nam để bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt (nguyên đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn trình bày ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt). Căn cứ quy định tại khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Trà M** và anh **Võ Huy T** tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn ngày 26/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **C** (nay là Ủy ban nhân dân xã **C**), tỉnh Hà Tĩnh, theo Sổ đăng ký số 51/2016. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì hôn nhân của chị **Nguyễn Trà M** và anh **Võ Huy T** là hợp pháp.

[2.2] Xác định tình trạng hôn nhân: Chị **Nguyễn Trà M** và anh **Võ Huy T** phát sinh mâu thuẫn trong quá trình sống chung, trở nên trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2020. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống xa nhau không có thời gian hàn gắn mâu thuẫn, tình cảm dần phai nhạt, không còn sự quan tâm, chăm sóc. Anh **T**, chị **Trà M** không mong muốn đoàn tụ và yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn.

[2.3] Pháp luật về Hôn nhân và gia đình Việt Nam có chính sách và biện pháp bảo hộ hôn nhân và gia đình, tạo điều kiện để nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, vợ chồng bình đẳng; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ... nhưng hôn nhân của chị **Nguyễn Trà M** và anh **Võ Huy T** không còn hướng tới xây dựng gia đình hạnh phúc.

[2.4] Tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và Gia đình

quy định: “ Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng”.

[2.5] Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn” (khoản 1 Điều 51); “Ly hôn theo yêu cầu của một bên: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được” (khoản 1 Điều 56).

[2.6] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa chị Nguyễn Trà M và anh Võ Huy T không còn. Vợ chồng sống ly thân, không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Trà M như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Nguyễn Trà M và anh Võ Huy T ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

[2.7] Quan hệ con chung: Chị Nguyễn Trà M và anh Võ Huy T có 01 (một) con chung là Võ Nguyễn Bảo N, sinh ngày: 12/01/2018. Anh T, chị Trà M không tranh chấp về giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu Võ Nguyễn Bảo N sống cùng chị Trà M từ nhỏ, có đơn nguyện vọng được sống cùng mẹ; con phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, được học tập, vui chơi đầy đủ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về môi trường sống, học tập của con chung, giao cháu Võ Nguyễn Bảo N cho chị Trà M trực tiếp thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp, đúng pháp luật. Trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới.

[2.8] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Toà án đã giải thích về quyền và nghĩa vụ của con chưa đủ 18 tuổi, người trực tiếp nuôi con và người không trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Trà M và anh Võ Huy T không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nên miễn xét.

[2.9] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trà M phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 235, 238, 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 464, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; các Điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Trà M**, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Trà M**, sinh năm: 14/9/1996, số CCCD: 054196008735; địa chỉ: **Thôn L, xã T, tỉnh Đắk Lắk** và anh **Võ Huy T**, sinh năm: 05/3/1996; số CMND: 184247642; địa chỉ: **Thôn Đ, xã C, tỉnh Hà Tĩnh**, hiện nay đang lao động tại **Cộng hòa Liên bang Đ**: Ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung **Võ Nguyễn Bảo N**, sinh ngày: 12/01/2018 cho chị **Nguyễn Thị Trà M** trực tiếp thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới.

Anh **Võ Huy T** có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 7, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và mục A danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị **Nguyễn Thị Trà M** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị **Trà M** đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0000014 ngày 07/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025: Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND KV3- Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng THADS khu vực 3 – Hà Tĩnh;
- UBND xã Can Lộc;
- Công an xã Can Lộc;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

